

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAKAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 07/2018/DS-ST

Ngày: 27/3/2018.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hồng Trường.

- *Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thế Hằng.

2. Bà Nguyễn Thị Mai.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Hải Lý.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar tham gia phiên tòa:*

Bà Trần Thị Minh Nguyệt. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 250/2017/TLST-DS, ngày 17 tháng 11 năm 2017. Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐXXST-DS, ngày 09 tháng 3 năm 2018.

Giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Đào Xuân H Sinh năm: 1980

Trú tại: Thôn Đ, xã P, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

2. **Bị đơn:** Ông Nguyễn Xuân H Sinh năm: 1981

Trú tại: Thôn L, xã P, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Bà Phạm Thị H Sinh năm: 1984

Trú tại: Thôn Đ, xã P, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

(Bà Phạm Thị H ủy quyền cho ông Đào Xuân H tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 15/01/2018).

Bà Nguyễn Thị H Sinh năm: 1980

Trú tại: Thôn L, xã P, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/11/2017, tại bản tự khai ngày 01/12/2017, trong quá trình đối chất, hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Đào Xuân H trình bày:

Giữa vợ chồng chúng tôi và ông Nguyễn Xuân H là người quen biết làm ăn chứ không có quan hệ bà con hay họ hàng thân thích gì. Vào ngày 21/12/2016, ông Nguyễn Xuân H có đến nhà tôi nhờ vợ chồng chúng tôi chót hộ 500kg cà phê nhân xô để lấy số tiền 21.600.000đ, theo mức giá cà phê tại thời điểm là 43.200đ/1kg, ông H hẹn đến

ngày 11/01/2017 sẽ hoàn trả cho vợ chồng chúng tôi số cà phê nói trên. Đến ngày 23/12/2016, ông H tiếp tục nhờ vợ chồng chúng tôi chốt thêm 900kg cà phê nhân xô để lấy số tiền 39.150.000đ, theo mức giá cà phê tại thời điểm là 43.500đ/1kg, ông H hẹn đến ngày 11/01/2017 sẽ hoàn trả cho vợ chồng chúng tôi 1.400kg cà phê nhân xô hoặc trả bằng tiền mặt theo giá cà phê tại thời điểm trả. Ông H nói với vợ chồng chúng tôi chốt cà phê để lấy tiền đi về quê đám ma.

Đến ngày 17/01/2017, ông H vẫn chưa hoàn trả cho vợ chồng chúng tôi được bất kỳ số lượng cà phê nhân xô nào nên hai bên đã thỏa thuận thống nhất chốt số nợ cà phê thành nợ tiền theo giá cà phê tại thời điểm là 45.800đ/1kg, thành tiền là 64.120.000đ, tuy nhiên hai bên thỏa thuận thống nhất làm tròn số nợ là 64.100.000đ (Sáu mươi tư triệu một trăm nghìn đồng). Hai bên không thỏa thuận về lãi suất phát sinh, ông H đồng ý ký tên vào giấy xác nhận, đồng thời hẹn vợ chồng chúng tôi đến ngày 20/01/2017 sẽ hoàn trả số tiền 24.100.000đ và đến ngày 28/01/2017 sẽ hoàn trả hết số tiền còn lại là 40.000.000đ. Trong 02 (hai) lần ông H chốt cà phê lấy tiền cũng như tại thời điểm ông H xác nhận số tiền vay thì vợ tôi bà Phạm Thị H là người xác lập các giấy chốt cà phê và giấy nhận nợ, còn ông Nguyễn Xuân H là người ký tên xác nhận.

Tuy nhiên cho đến nay đã quá thời hạn trả nợ từ lâu, mặc dù vợ chồng tôi đã nhiều lần yêu cầu ông H phải có trách nhiệm hoàn trả cho vợ chồng chúng tôi số tiền chốt cà phê theo thỏa thuận, nhưng ông H vẫn không chịu hoàn trả cho vợ chồng chúng tôi được bất kỳ số tiền nào.

Nguyên vọng: Trong quá trình giải quyết vụ án tôi yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật để buộc ông Nguyễn Xuân H phải có trách nhiệm hoàn trả cho vợ chồng tôi số tiền 64.100.000đ và khoản tiền lãi suất phát sinh với mức 1%/1 tháng, tính từ ngày 17/01/2017 cho đến khi Tòa án nhân dân huyện EaKar giải quyết xong vụ án. Tại phiên tòa hôm nay tôi yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét để buộc ông H phải hoàn trả cho tôi khoản tiền lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật. Đối với bà Nguyễn Thị H là vợ của ông H, bà H không tham gia vay mượn nên vợ chồng chúng tôi không yêu cầu bà H phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả số tiền trên. Ngoài ra, tôi không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

Tại bản tự khai ngày 01/12/2017, trong quá trình đối chất, hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Xuân H trình bày:

Tôi xác nhận lời trình bày của ông Đào Xuân H về việc tôi đã hai lần đến nhà vợ chồng ông H, bà H chốt số lượng cà phê nhân xô, tổng cộng là 1.400kg để lấy số tiền 60.750.000đ, hai bên có thỏa thuận với nhau về mục đích vay, thời hạn trả là hoàn toàn đúng sự thật. Sau khi tôi không trả được nợ cho vợ chồng ông H, bà H theo cam kết thì hai bên đã thỏa thuận thống nhất chốt số nợ cà phê thành nợ tiền theo giá cà phê tại thời điểm ngày 17/01/2017 là 45.800đ/1kg, thành tiền là 64.120.000đ. Tuy nhiên hai bên thỏa thuận thống nhất làm tròn số nợ là 64.100.000đ (Sáu mươi tư triệu một trăm nghìn đồng). Tôi đã đồng ý ký tên vào giấy xác nhận nợ do bà Phạm Thị H xác lập, đồng thời tôi có hẹn hẹn vợ chồng ông H, bà H đến ngày 20/01/2017 sẽ hoàn trả số tiền 24.100.000đ và ngày 28/01/2017 tôi sẽ hoàn trả hết số tiền còn lại là 40.000.000đ.

Tuy nhiên cho đến nay, do điều kiện hoàn cảnh kinh tế khó khăn, việc làm ăn gặp nhiều thua lỗ nên tôi vẫn chưa hoàn trả cho vợ chồng ông H, bà H được bất kỳ số tiền hay số lượng cà phê nhân xô nào.

Nay ông Đào Xuân H làm đơn khởi kiện yêu cầu tôi phải có trách nhiệm hoàn trả cho vợ chồng ông H, bà H số tiền 64.100.000đ, theo giấy nhận nợ ngày lập 17/01/2017 và khoản tiền lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật thì tôi không đồng ý hoàn trả cho vợ chồng ông H, bà H bằng tiền mặt, tôi chỉ đồng ý hoàn trả cho vợ chồng ông H, bà H số lượng cà phê nhân xô còn nợ là 1.400kg. Thời hạn trả cụ thể như sau: Ngày 25/12/2018 trả 400kg cà phê nhân xô, ngày 25/12/2019 trả 1.000kg cà phê nhân xô. Ngoài ra, tôi không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

Tại bản tự khai ngày 01/12/2017, trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày:

Tôi là vợ của ông Nguyễn Xuân H, tôi hoàn toàn không biết việc chồng tôi đến nhà ông H, bà H chốt cà phê nhân xô để lấy tiền. Chồng tôi ông Nguyễn Xuân H sử dụng số tiền chốt cà phê của vợ chồng ông H, bà H vào mục đích gì thì tôi không biết, chồng tôi không sử dụng bất kỳ số tiền nào để phục vụ lợi ích chung trong gia đình. Vì vậy, tôi hoàn toàn thống nhất với ý kiến của chồng tôi là ông Nguyễn Xuân H về việc chồng tôi sẽ một mình chịu trách nhiệm trả nợ cho ông H, bà H. Ngoài ra, tôi không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và triệu tập các bên đương sự đến Tòa án để tham gia tố tụng, tiến hành đối chất, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay các bên đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến của mình.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 48, Điều 198 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Như: Xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của những người tham gia tố tụng và thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự, quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án: Việc ông H còn nợ của vợ chồng ông H, bà H số tiền 64.100.000đ là có thực, thể hiện qua các giấy các giấy chốt cà phê ngày 21/12/2016, giấy chốt cà phê ngày 23/12/2016 và giấy nhận nợ ngày 17/01/2017 có chữ viết và chữ ký xác nhận ông Nguyễn Xuân H đã được ông H thừa nhận. Việc giao kết hợp đồng giữa các bên đương sự là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại thời điểm xác lập giấy nhận nợ ngày 17/01/2017 ông H có hẹn vợ chồng ông H, bà H đến ngày 20/01/2017 sẽ hoàn trả số tiền 24.100.000đ và ngày 28/01/2017 sẽ hoàn trả hết số tiền còn lại là 40.000.000đ. Nhưng cho đến nay ông H vẫn chưa hoàn trả cho vợ chồng ông H, bà H được bất kỳ số tiền nào. Do đó, ông H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật để buộc ông H phải có

trách nhiệm hoàn trả cho vợ chồng ông H, bà H số tiền gốc còn nợ 64.100.000đ là hoàn toàn có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật. Do đó, việc ông H chỉ đồng ý hoàn trả cho vợ chồng ông H, bà H 1.400kg cà phê nhân xô là không phù hợp.

Tại phiên tòa hôm nay ông H yêu cầu H phải có trách nhiệm hoàn trả cho vợ chồng ông H, bà H số tiền gốc còn nợ 64.100.000đ và khoản tiền lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật. Xét thấy, tại nhận nợ ngày 17/01/2017 đối với số tiền 64.100.000đ hai bên không thỏa thuận lãi suất vay, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để chấp nhận đơn khởi kiện của ông Đào Xuân H để buộc ông Nguyễn Xuân H phải có trách nhiệm hoàn trả cho vợ cho vợ chồng ông Đào Xuân H, bà Phạm Thị H số tiền 64.100.000đ và khoản tiền lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đơn khởi kiện của ông Đào Xuân H đề ngày 16/11/2017, Tòa án nhân dân huyện EaKar xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện EaKar thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Về thời hiệu khởi kiện: Đơn khởi kiện của ông Đào Xuân H đề ngày 16/11/2017 là còn trong thời hiệu khởi kiện, quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015.

Xét nội dung khởi kiện: Nguyên đơn ông Đào Xuân H yêu cầu ông Nguyễn Xuân H phải có trách nhiệm hoàn trả cho vợ chồng ông H, bà H số tiền vay gốc còn nợ 64.100.000đ là hoàn toàn có cơ sở pháp lý: Vì thực tế vào ngày 21/12/2016, ông H có đến nhà vợ chồng ông H, bà H nhờ chốt hộ 500kg cà phê nhân xô để lấy số tiền 21.600.000đ, theo mức giá cà phê tại thời điểm là 43.200đ/kg, ông H hẹn đến ngày 11/01/2017 sẽ hoàn trả cho vợ chồng ông H, bà H số cà phê nói trên. Đến ngày 23/12/2016, ông H tiếp tục chốt thêm của vợ chồng ông H, bà H 900kg cà phê nhân xô để lấy số tiền 39.150.000đ, theo mức giá cà phê tại thời điểm là 43.500đ/kg, ông H chốt cà phê để lấy tiền về quê đi đám ma và hẹn vợ chồng ông H, bà H đến ngày 11/01/2017 sẽ hoàn trả 1.400kg cà phê nhân xô hoặc trả bằng tiền mặt theo giá cà phê tại thời điểm trả.

Đến ngày 17/01/2017, ông H vẫn chưa hoàn trả cho vợ chồng ông H, bà H được bất kỳ số lượng cà phê nhân xô hay số tiền nào nên hai bên đã thỏa thuận thống nhất chốt số nợ cà phê thành nợ tiền theo giá cà phê tại thời điểm ngày 17/11/2017 là 45.800đ/kg, thành tiền là 64.120.000đ, tuy nhiên hai bên thỏa thuận thống nhất làm tròn số nợ là 64.100.000đ. Ông H đồng ý ký tên vào giấy xác nhận nợ do bà H viết ra và hẹn đến ngày 20/01/2017 sẽ hoàn trả cho vợ chồng ông H, bà H số tiền 24.100.000đ và ngày 28/01/2017 sẽ hoàn trả hết số tiền còn lại là 40.000.000đ.

Việc giao kết hợp đồng giữa các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng đúng theo quy định của pháp luật. Kể từ khi ông H xác lập giấy

nhận nợ của vợ chồng ông H, bà H đến nay mặc dù vợ chồng ông H, bà H đã nhiều lần yêu cầu ông H phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền chót cả phê theo thỏa thuận, nhưng ông H vẫn không hoàn trả cho vợ chồng ông H, bà H được bất kỳ số tiền nào. Như vậy, ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Căn cứ vào Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử buộc ông Nguyễn Xuân H phải có trách nhiệm hoàn trả cho vợ chồng ông Đào Xuân H, bà Phạm Thị H số tiền gốc còn nợ 64.100.000đ là hoàn toàn phù hợp và thỏa đáng, đúng theo quy định của pháp luật.

Về lãi suất: Xét yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn ông Đào Xuân H về khoản tiền lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật đối với số tiền 64.100.000đ theo giấy nhận nợ lập ngày 17/01/2017. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại giấy nhận nợ ngày 17/01/2017 giữa vợ chồng ông H, bà H và ông H đối với số tiền 64.100.000đ hai bên không thỏa thuận lãi suất vay, vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính khoản tiền lãi suất phát sinh, cụ thể như sau:

Đối với số tiền 24.100.000đ từ ngày 21/01/2017 đến ngày 28/01/2017 là 08 ngày, $(24.100.000đ \times 0,833\% \times 08 \text{ ngày} : 30 \text{ ngày} = 53.534đ)$

Đối với số tiền 64.100.000đ từ ngày 29/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 27/3/2018 là 422 ngày, $(64.100.000đ \times 0,833\% \times 422 \text{ ngày} : 30 \text{ ngày} = 7.510.938đ)$

Tổng cộng tiền lãi suất phát sinh là: 7.564.472đ.

Căn cứ khoản 4 Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử buộc ông Nguyễn Xuân H phải có trách nhiệm hoàn trả cho vợ chồng ông Đào Xuân H, bà Phạm Thị H tổng số tiền vay gốc và tiền lãi suất phát sinh là 71.664.472đ (Bảy mươi một triệu sáu trăm sáu mươi bốn nghìn bốn trăm bảy mươi hai đồng). Trong đó tiền gốc còn nợ là 64.100.000đ, tiền lãi suất phát sinh là 7.564.472đ.

- Về án phí: Các bên đương sự phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 184, Điều 195 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 429, Điều 463, khoản 1 khoản 4 Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đào Xuân H.

Buộc ông Nguyễn Xuân H phải có trách nhiệm hoàn trả cho vợ chồng ông Đào Xuân H, bà Phạm Thị H tổng số tiền 71.664.472đ (Bảy mươi một triệu sáu trăm sáu mươi bốn nghìn bốn trăm bảy mươi hai đồng). Trong đó tiền gốc còn nợ là 64.100.000đ, tiền lãi suất phát sinh là 7.564.472đ.

Áp dụng Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Xuân H phải chịu 3.583.223đ (Ba triệu năm trăm tám mươi ba nghìn hai trăm hai mươi ba đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, theo mức tính: $(71.664.472đ \times 5\% = 3.583.223đ)$.

Hoàn trả cho vợ chồng ông Đào Xuân H, bà Phạm Thị H số tiền 1.762.750đ (Một triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn bảy trăm năm mươi đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, mà ông Đào Xuân H đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện EaKar theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0003161, ngày 16/11/2017.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (Vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự”

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND huyện EaKar
- Chi cục THADS huyện EaKar
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ, VP.

Phạm Hồng Trường